

Bản án số: 239/2025/DS-ST

Ngày: 10 - 06 - 2025.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vi Tường Thụy

2. Ông Vũ Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2025/QĐHPT-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V

Trụ sở: số H đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn:

Ông Phùng Thanh K, sinh năm 1998 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo văn bản ủy quyền số 739/2025/UQ-VPB ngày 09/6/2025 của Ngân hàng TMCP V).

Bị đơn: Bà Mai Tuyết N, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Thường trú: Số C N, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2024, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phùng Thanh K trình bày:

Ngày 11/01/2024, bà Mai Tuyết N và Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V1) ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ với hạn mức thẻ tín dụng 190.000.000 đồng, mục đích sử dụng phục vụ đời sống (sửa nhà), lãi suất 27.4%/năm.

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên, bà Mai Tuyết N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 15/02/2024, Ngân hàng V1 chuyển sang nợ quá hạn theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSA/VN001032520231239 đã ký. Mặc dù, Ngân hàng đã tạo điều kiện cho bà Mai Tuyết N trả nợ nhưng bà N vẫn cố tình trốn tránh, không trả nợ cho ngân hàng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mai Tuyết N phải thanh toán ngay cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng trên tạm tính đến ngày 10/6/2025 là 249.505.671 đồng, trong đó nợ gốc là 185.133.690 đồng, nợ lãi 64.371.981 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 11/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập bà N đến Tòa để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện uỷ quyền của Ngân hàng V1 có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Mai Tuyết N vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự bị đơn bà Mai Tuyết N đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử. Quá trình sử dụng bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V1 yêu cầu bị đơn bà Mai Tuyết N trả số tiền nợ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Mai Tuyết N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Xét Văn bản ủy quyền số 739/2025/UQ-VPB ngày 09/6/2025 của của Ngân hàng V1 ủy quyền cho ông Phùng Thanh K tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, theo kết quả minh của Công an P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh “*Công dân Mai Tuyết N, sinh năm 1986 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 3 N, Phường B, Quận A. Bản thân, hiện nay không cư ngụ thực tế tại địa phương, đi đâu không rõ địa chỉ*” Căn cứ khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “*đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú*”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Xét, ông Phùng Thanh K là đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Mai Tuyết N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà N vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ngày 11/01/2024 của Ngân hàng V1 với bà Mai Tuyết N được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc:

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc: Căn cứ bản sao kê do Ngân hàng cung cấp ngày 10/6/2025 của Ngân hàng V1 cho thấy bà N đã giao dịch bằng thẻ tín dụng từ ngày 12/01/2024 đến ngày 10/6/2025. Ngày 15/02/2024, Ngân hàng V1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà N do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại điểm h mục 1 phần VIII của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/01/2024 quy định

“Khách hàng phải trả nợ gốc cho V1 theo định kỳ 01/tháng/lần vào ngày 10 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc), K1 trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/02/2025, tổng cộng gồm 48 kỳ. Số tiền trả nợ gốc hàng kỳ sẽ được V1 thông báo...”. Như vậy, tính đến ngày 10/6/2025, bà N không thanh toán số tiền nợ gốc là 185.133.690 đồng cho Ngân hàng V1 là vi phạm thoả thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà N phải thanh toán số tiền nợ gốc.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Theo điểm g và i mục 1 phần VIII của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/01/2024 quy định áp dụng tính lãi trong hạn và quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng mà bà N đang sử dụng áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn là 41.10%/tháng. Nguyên đơn yêu cầu bà N trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn kể từ ngày 15/02/2024 đến ngày 10/6/2025 là 64.371.981 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là 3.849.766 đồng và lãi quá hạn là 60.553.933 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 11/6/2025 cho đến khi bà N thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ DSA/VN001032520231239 ngày 11/01/2024 của Ngân hàng V1.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

[1.1] Buộc bị đơn bà Mai Tuyết N có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 10/6/2025 là 249.505.671 (Hai trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, sáu trăm bảy mươi một) đồng, trong đó nợ gốc là 185.133.690 (Một trăm tám mươi lăm triệu, một trăm ba mươi ba nghìn,

sáu trăm chín mươi) đồng, nợ lãi là 64.371.981 (Sáu mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn, chín trăm tám mươi một) đồng.

[1.2] Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 11/6/2025 trên số tiền nợ còn lại cho đến khi bà N trả xong khoản nợ, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ngày 11/01/2024 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với bà Mai Tuyết N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 12.475.284 (Mười hai triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi bốn) đồng, bà Mai Tuyết N phải chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.646.669 (Năm triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0075223 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10. Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Phương Lan